

Bản án số: 13/2023/HS-ST

Ngày 16/3/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Dương Thế Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tiến Chinh - Cán bộ hưu;

2. Bà Nguyễn Thị YẾN- Cán bộ hưu.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến tại điểm cầu trung tâm: Phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang; điểm cầu thành phần: Trại Tạm giam - Công an tỉnh Bắc Giang. Vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

Trần Văn C, sinh năm 1991. Tên gọi khác: Không; giới tính: Nam.

Nơi cư trú: Tổ dân phố Ph, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn Giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; bố đẻ: Trần Văn D, sinh năm 1955; mẹ đẻ: Chu Thị T, sinh năm 1954; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; gia đình có 06 anh chị em, bị cáo là thứ sáu; vợ: Vũ Thị U, sinh năm 1989; bị cáo có 02, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 84/2011/HSST ngày 22/11/2011, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong án phí ngày 17/5/2012, chấp hành xong bản án ngày 22/11/2012.

Bị cáo bị bắt truy nã, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/12/2022 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam, Công an tỉnh Bắc Giang. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Đỗ Thanh L1, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ dân phố Kh, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Hà Văn Th, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn T, xã T1, huyện L1, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

- Bà Chu Thị T, sinh năm 1954; địa chỉ: Tổ dân phố Ph, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn C, sinh năm 1991 trú tại thôn Ph, xã P (nay là tổ dân phố Ph, thị trấn P), huyện L và anh Đỗ Thanh L1, sinh năm 1992 trú tại thôn Kh, xã P (nay là tổ dân phố Kh, thị trấn P), huyện L có mối quan hệ quen biết nhau từ trước.

Khoảng 12 giờ ngày 06/3/2018, C gặp anh L1 tại quán Game “Công Thúy” ở thị tứ S, xã P (nay là tổ dân phố S, thị trấn P), huyện Lục Nam. Tại đây, C hỏi mượn xe mô tô của anh L1 để đi giải quyết công việc. Anh L1 đồng ý và giao xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Exciter, biển kiểm soát 98B2-881.66 (dừng trước cửa quán Game) cho C mượn. Mượn được xe, C điều khiển xe mô tô 98B2-881.66 đi xuống thành phố Bắc Giang đón bạn là chị Nguyễn Thị H đi chơi (C không biết nhân thân, lai lịch chị H). Quá trình đi chơi ở thành phố B, do thiếu tiền chi tiêu cá nhân, C nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh L1 mang đi bán lấy tiền ăn tiêu.

Sau đó, C điều khiển xe mô tô 98B2-881.66 chở theo chị H đi lên cửa hàng cầm đồ của Hà Văn Th, sinh năm 1973 ở thôn T, xã T1, huyện L1. Tại đây, C nói dối xe mô tô 98B2-881.66 là xe của C và đặt vấn đề bán xe cho anh Th với giá 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng). Anh Th đồng ý. Do chưa có đăng ký xe, anh Th thỏa Th trả trước cho C số tiền 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng), khi nào có đăng ký xe, anh Th sẽ trả nốt cho C số tiền còn lại. C đồng ý và ký vào giấy “Cam kết bán xe máy, ô tô”, “Giấy biên nhận vay tiền” và đưa “Giấy chứng minh nhân dân” mang tên Trần Văn C cho anh Th giữ, còn anh Th giao cho C số tiền 17.000.000 đồng. Bán xe xong, C sử dụng số tiền bán xe được ăn tiêu cá nhân hết. Sau đó, C bỏ trốn khỏi địa phương, cắt liên lạc với anh L1 và gia đình.

Đối với anh L1 sau khi cho C mượn xe nhưng không thấy C mang xe về trả. Anh L1 liên lạc với C để yêu cầu trả xe nhưng không liên lạc được. Đến ngày 08/3/2018, anh L1 làm đơn trình báo Công an huyện Lục Nam (Bút lục 43). Sau đó, anh L1 tìm hiểu thì biết sự việc C đã bán xe của mình cho anh Th nên ngày 16/3/2018, anh L1 đã đến gặp anh Th và thỏa Th mua lại chiếc xe mô tô 98B2-881.66 với giá 17.100.000 đồng. Anh Th đã giao lại “Giấy biên nhận vay tiền” và “Giấy chứng minh nhân dân” mang tên Trần Văn C cho anh L1 giữ.

Ngày 27 và 29/3/2018, anh Đỗ Thanh L1 và Hà Văn Th đã giao nộp cho Cơ quan điều tra: 01 giấy “Cam kết bán xe máy, ô tô”; 01 “Giấy biên nhận vay tiền” và 01 “Chứng minh nhân dân” mang tên Trần Văn C (Bút lục 23, 24).

Kết quả xác định hiện trường: Hiện trường vụ án xác định tại quán Game “Công Thúy” ở thị Tứ S, xã P (nay là tổ dân phố S, thị trấn P), huyện L của anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1990. Vị trí bị cáo C mượn xe mô tô của anh L1 xác định trong phòng máy tại quán Game (30-31).

Cơ quan điều tra đã có văn bản yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lục Nam định giá xe mô tô mà C chiếm đoạt của anh L1; đồng thời trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký trên tài liệu anh L1 và anh Th giao nộp.

Bản kết luận định giá tài sản ngày 02/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lục Nam kết luận: *01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Exciter có giá trị 44.820.000 đồng (BL41,42).*

Kết luận giám định số 219/KL-KTHS 06/02/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: *Chữ ký (dạng chữ viết), chữ viết có nội D “C - Trần Văn C” tại các mục “Người vay đã nhận đủ số tiền trên”, “Bên bán” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2) so với chữ ký, chữ viết của Trần Văn C trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M1, M2, M3) là do cùng một người ký viết ra (BL 76-77; 99).*

Trong quá trình điều tra vụ án, Trần Văn C bỏ trốn khỏi địa phương, đến ngày 09/12/2022, C bị bắt giữ theo Quyết định truy nã.

Trong vụ án này, Hà Văn Th có hành vi mua xe mô tô của bị cáo C, tuy nhiên khi mua xe, Th không biết tài sản đó là do C chiếm đoạt của người khác mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với Nguyễn Thị H đi cùng C đến bán xe mô tô cho Hà Văn Th và ký vào giấy tờ bán xe, C khai không bàn bạc việc bán xe với H và không biết nhân

thân, lai lịch của H ở đâu nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh làm rõ.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Chu Thị T (là mẹ bị cáo C) đã bồi thường cho anh Đỗ Thanh L1 số tiền 17.100.000 đồng thay cho C; Anh L1 không yêu cầu C phải bồi thường về dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho C; còn bà T không yêu cầu C phải trả lại số tiền đã bồi thường cho anh L1 (Bút lục 106).

Về vật chứng vụ án: Anh L1 tự bỏ tiền ra mua lại xe mô tô BKS 98B2-881.66 từ anh Th và sử dụng cho đến nay nên Cơ quan điều tra không tiến hành thu giữ; Đối với chứng minh nhân dân của bị cáo C, Cơ quan điều tra chuyển xử lý cùng vụ án.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Trần Văn C khai báo thành khẩn hành vi phạm tội nêu trên.

*Tại bản Cáo trạng số: 11/CT-VKS ngày 24 tháng 02 năm 2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam đã truy tố bị cáo Trần Văn C về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự (viết tắt là BLHS)

* Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn C khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội D Bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo xác nhận Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng, không oan sai. Ngoài ra bị cáo còn trình bày: Bị cáo và anh Đỗ Thanh L1 quen biết nhau từ trước. Ngày 06/3/2018 bị cáo và L1 chơi Game tại thị trấn P, sau khi chơi xong, bị cáo hỏi mượn xe mô tô của L1 để đi có việc; anh L1 đã đưa xe mô tô nhãn hiệu Exciter biểm kiểm soát 98B2-881.66 cho bị cáo, bị cáo đã lấy xe đi đón bạn gái đi ăn uống, sau khi tiêu hết tiền, bị cáo nảy sinh ý định lấy xe của anh L1 mang đi bán lấy tiền ăn tiêu, bị cáo đã đi xe mô tô cùng bạn gái đến nhà anh Th để bán. Tại đây bị cáo đã bán xe cho anh Th được 17.000.000 đồng. Sau đó bị cáo bỏ đi Miền Nam làm ăn. Trong thời gian bị cáo ở Miền Nam, bị cáo không vi phạm pháp luật; bị cáo biết việc cơ quan Công an truy nã bị cáo.

- Bị hại anh Đỗ Thanh L1 vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có lời khai tại giai đoạn điều tra như sau: Sáng 06/3/2018 anh đi xe mô tô nhãn hiệu Exciter biểm kiểm soát 98B2-881.66 đến Trung tâm huyện Lục Nam tiễn bạn lên đường nhập ngũ. Sau khi tiễn bạn xong, 12 giờ cùng ngày, anh về quán game nhà anh Thành thì gặp Trần Văn C đến hỏi thăm và mượn xe mô tô của anh, C nói là đi đón vợ; anh đồng ý và giao xe cho C; giấy tờ xe để trong cốp xe. 10 phút sau anh điện thoại thì C không nghe máy, anh đợi thêm một lúc không thấy C quay lại, anh đã đi tìm C nhưng không thấy. Qua hỏi người quen thì được biết C cầm cố xe cho anh Th ở T1, huyện L1 lấy 17.000.000 đồng; anh

đã chuộc lại xe hết 17.100.000 đồng. Đến nay mẹ bị cáo C đã bồi thường cho anh 17.100.000 đồng. Về trách nhiệm hình sự: Anh xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo C; về trách nhiệm dân sự: Anh đã nhận được bồi thường đầy đủ và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Hà Văn Th vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có lời khai tại giai đoạn điều tra như sau: Khoảng 14 giờ ngày 06/3/2018 Trần Văn C cùng một người con gái đến nhà anh và hỏi bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Exciter biểm kiểm soát 98B2-881.66, anh đồng ý mua với giá 17.000.000 đồng. Anh và C đã viết giấy mua bán xe cho nhau. Ngày 16/3/2018 anh Đỗ Thanh L1 có đến chuộc lại chiếc xe giá 17.100.000 đồng, anh đồng ý, anh đã nhận đủ tiền và giao xe cùng giấy tờ xe cho L1, anh không biết xe bị cáo C bán cho anh là xe phạm tội mà có.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Chu Thị T tại phiên tòa khai: Con bà là Trần Văn C đã lấy xe của anh L1 đi bán, bà đã bồi thường cho anh L1 17.100.000 đồng; bà không yêu cầu gì và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo C.

* Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố của bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Văn C phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

- Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 175, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn C mức án từ 12 đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo ngày ngày 09/12/2022.

Miễn hình phạt tiền cho bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự (viết tắt là BLTTHS).

Trả lại cho bị cáo 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Trần Văn C.

- Về án phí: Bị cáo C được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Tranh luận với kết luận của đại diện Viện kiểm sát:

- Bị cáo C tranh luận đối đáp: Bị cáo không tranh luận gì.

- Bà Chu Thị T tranh luận đối đáp: Bà T không tranh luận gì.

* Kết thúc tranh luận bị cáo C nói lời sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Bị hại anh Đỗ Thanh L1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hà Văn Th đã được Tòa án giao giấy triệu tập, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy quá trình điều tra họ đã có lời khai đầy đủ lời khai tại hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ vào Điều 292 của BLTTHS, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử; Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của người vắng mặt trong quá trình hỏi tại phiên tòa.

[2] Đánh giá tính hợp pháp về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an huyện Lục Nam, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, Kiểm sát viên:

Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó cần xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an huyện Lục Nam, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam và Kiểm sát viên đã thực hiện là đúng pháp luật.

[3] Đánh giá chứng cứ:

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận về toàn bộ hành vi của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng; vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Lợi dụng mối quan hệ quen biết, ngày 06/3/2018, tại quán Game “Công Thúy” ở tổ dân phố S, thị trấn P, huyện Lục Nam, Trần Văn C đã có hành vi mượn xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Exciter, biển kiểm soát 98B2-881.66 (trị giá là 44.820.000 đồng) của anh Đỗ Thanh L1. Sau đó, C nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản và mang xe mô tô của anh L1 đi bán cho Hà Văn Th với giá 17.000.000 đồng để lấy tiền tiêu xài cá nhân rồi bỏ trốn do không có khả năng chuộc lại tài sản để trả cho chủ sở hữu.

Bị cáo lợi dụng sự quen biết với bị hại, hỏi mượn xe đi có việc, sau đó nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của bị hại. Do đó hành vi của bị cáo đã phạm vào tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, được quy định tại Điều 175 của BLHS.

Tài sản bị cáo chiếm đoạt trị giá 44.820.000 đồng, nên hành vi của bị cáo Đã phạm vào điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Vì vậy bản Cáo trạng truy tố bị cáo về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ; chỉ vì động, cơ mục đích có tiền ăn tiêu, bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong nội bộ quần chúng nhân dân. Do đó, phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự và có hình phạt tù, phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét về nhân thân bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội, bị cáo nhận thức được sai phạm của mình, nên đã tác động để gia đình bồi thường cho bị hại và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS.

[6] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của BLHS.

[7] Xét nhân thân bị cáo thấy: Bản án số 84/2011/HSST ngày 22/11/2011 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo đã được xóa án tích. Tuy nhiên cũng thể hiện bị cáo là người có nhân thân không tốt.

Trong quá trình điều tra vụ án, Trần Văn C bỏ trốn khỏi địa phương, gây khó khăn cho việc điều tra vụ án; đến ngày 09/12/2022, C bị bắt giữ theo Quyết định truy nã.

Căn cứ vào nhân thân bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét thấy cần có hình phạt tù giam, phù hợp với hành vi của bị cáo mới đủ cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt.

Do bị cáo đang bị tạm giam. Nên cần áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 329 BLTTHS tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án. Thời hạn tạm giam tính từ ngày tuyên án.

[7] Về hình phạt bổ sung bằng tiền: Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản, là hộ cận nghèo. Nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn C mức án tù 12 đến 18 tháng tù. Xét thấy: Căn cứ vào giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt (44.820.000 đồng), nhân thân bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tình hình tội phạm tại địa phương thì mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị là thấp. Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải xử bị cáo ở mức hình phạt cao hơn Viện kiểm sát đề nghị là đúng qui định.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận được tài sản, không có yêu cầu được bồi thường, nên không đặt ra xem xét.

Bà Chu Thị T (là mẹ bị cáo C) đã bồi thường cho anh Đỗ Thanh L1 số tiền 17.100.000 đồng thay cho C; bà T không yêu cầu C phải trả lại số tiền đã bồi thường cho anh L1 nên không đặt ra xem xét.

Anh Hà Văn Th không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên không đặt ra xem xét.

[10] Về các nội D khác:

Trong vụ án này, Hà Văn Th có hành vi mua xe mô tô của bị cáo C, tuy nhiên khi mua xe, Th không biết tài sản đó là do C chiếm đoạt của người khác mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là đúng phù hợp.

Đối với Nguyễn Thị H đi cùng C đến bán xe mô tô cho Hà Văn Th và ký vào giấy tờ bán xe, C khai không bàn bạc việc bán xe với H và không biết nhân thân, lai lịch của H ở đâu nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh làm rõ.

Về vật chứng vụ án: 01 chứng minh nhân dân của bị cáo C, cần trả lại cho bị cáo.

[11] Về án phí: Bị cáo là hộ cận nghèo, nên không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[12] Về quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự;

1. Xử phạt bị cáo Trần Văn C 02 (hai) năm tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/12/2022.

Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại bị cáo 01 (một) chứng minh thư nhân dân mang tên Trần Văn C có số: 121950442.

3. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Báo cho bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;
- Công an huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang;
- UBND TT P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.
- Bị cáo; người tham gia TT khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đó ký)

Dương Thế Vinh